

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận	4103006066	ngày 8 tháng 2 năm 2007
Đăng ký Doanh Nghiệp số	4103006066	ngày 29 tháng 6 năm 2009
	0301445210	ngày 6 tháng 7 năm 2011
	0301445210	ngày 15 tháng 4 năm 2013
	0301445210	ngày 26 tháng 8 năm 2014
	0301445210	ngày 21 tháng 7 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp số 0301445210 vào ngày 21 tháng 7 năm 2015. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Quyết định cổ phần hóa	3241/QĐ-BCN	ngày 14 tháng 11 năm 2006
-------------------------------	-------------	---------------------------

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Đức Khiêm Ông Nguyễn Hữu Phú Ông Diệu Chí Hào Bà Trần Thị Thanh Phương Ông Lê Thiết Hùng	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
--------------------------	---	--

Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Đức Khiêm Ông Nguyễn Hữu Phú Ông Lê Thiết Hùng	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Kế toán trưởng
--------------------------	---	--

Trụ sở đăng ký	127 Đường Lê Văn Chí Phường Linh Trung Quận Thủ Đức Việt Nam
-----------------------	---

Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
--------------------------	-------------------------------

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 47 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng này.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2016



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 21 tháng 3 năm 2016, được trình bày từ trang 5 đến trang 47.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của đơn vị kiểm toán

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 15-02-473-i




Nguyễn Thanh Nghị

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Đặng Trung Hoán

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2235-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2016

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		581.426.131.571	608.739.949.917
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	30.006.998.955	58.869.488.835
Tiền	111		30.006.998.955	15.869.488.835
Các khoản tương đương tiền	112		-	43.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		228.054.375.285	186.081.360.250
Phải thu khách hàng	131	7	216.147.465.884	166.111.325.284
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.017.320.943	3.136.773.058
Phải thu khác	136	8	8.889.588.458	17.005.847.072
Dự phòng phải thu khó đòi	137		-	(172.585.164)
Hàng tồn kho	140	9	300.868.718.982	323.521.343.206
Tài sản ngắn hạn khác	150		22.496.038.349	40.267.757.626
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		862.310.292	1.808.274.354
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		21.633.142.948	38.459.483.272
Thuế phải thu Nhà nước	153		585.109	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 01 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		762.053.430.281	749.694.563.455
Tài sản cố định	220		601.720.469.161	568.484.922.522
Tài sản cố định hữu hình	221	10	601.720.469.161	568.484.922.522
Nguyên giá	222		1.021.178.429.043	919.388.838.312
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(419.457.959.882)	(350.903.915.790)
Bất động sản đầu tư	230	11	353.640.215	582.943.397
Nguyên giá	231		26.436.678.414	26.436.678.414
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(26.083.038.199)	(25.853.735.017)
Tài sản dở dang dài hạn	240		61.427.142.111	84.584.761.568
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	61.427.142.111	84.584.761.568
Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	94.049.470.627	93.618.235.498
Đầu tư vào công ty con	251		77.890.684.464	77.890.684.464
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		16.058.786.163	16.058.786.163
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		9.100.000.000	9.350.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(9.000.000.000)	(9.681.235.129)
Tài sản dài hạn khác	260		4.502.708.167	2.423.700.470
Chi phí trả trước dài hạn	261		4.502.708.167	2.423.700.470
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.343.479.561.852	1.358.434.513.372

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		862.102.769.970	878.113.480.296
Nợ ngắn hạn	310		636.984.636.701	636.831.254.366
Phải trả người bán	311	14	60.707.183.179	109.355.165.963
Người mua trả tiền trước	312		3.459.571.986	4.186.489.368
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	4.858.958.445	5.152.022.765
Phải trả người lao động	314		20.432.185.200	21.600.756.031
Chi phí phải trả	315		1.289.590.929	520.993.611
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	42.972.910.075	52.340.379.525
Vay ngắn hạn	320	17(a)	499.756.183.221	439.914.750.164
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.508.053.666	3.760.696.939
Nợ dài hạn	330		225.118.133.269	241.282.225.930
Vay dài hạn	338	17(b)	225.118.133.269	241.282.225.930
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		481.376.791.882	480.321.033.076
Vốn chủ sở hữu	410	18	481.376.791.882	480.321.033.076
Vốn cổ phần	411	19	210.000.000.000	210.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.062.727.273	3.062.727.273
Quỹ đầu tư phát triển	418	21	53.396.822.577	53.396.822.577
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		214.917.242.032	213.861.483.226
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		203.095.203.862	169.948.689.584
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		11.822.038.170	43.912.793.642
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.343.479.561.852	1.358.434.513.372

Ngày 21 tháng 3 năm 2016

Người lập:



Lê Thiết Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
Tổng doanh thu	01	23	1.637.385.680.873	1.605.214.851.230
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	206.005.900	3.258.390.897
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	23	1.637.179.674.973	1.601.956.460.333
Giá vốn hàng bán	11	24	1.466.701.926.600	1.431.294.412.641
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		170.477.748.373	170.662.047.692
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	10.668.864.332	18.048.283.850
Chi phí tài chính	22	26	46.451.319.642	21.908.491.306
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>27.210.363.305</i>	<i>13.609.376.806</i>
Chi phí bán hàng	24	27	12.232.705.103	6.805.243.386
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	28	46.515.747.892	41.430.300.480
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		75.946.840.068	118.566.296.370
Thu nhập khác	31	29	607.172.377	87.128.342
Chi phí khác	32	30	2.231.263.154	11.243.957
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(1.624.090.777)	75.884.385
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		74.322.749.291	118.642.180.755
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	20.500.711.121	23.479.387.113
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		53.822.038.170	95.162.793.642

Ngày 21 tháng 3 năm 2016

Người lập:



Lê Thiết Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		74.322.749.291	118.642.180.755
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		81.935.870.844	44.203.712.268
Các khoản dự phòng	03		(666.269.563)	(53.489.988)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		663.874.620	1.858.484.339
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(6.933.042.706)	(13.835.929.879)
Chi phí lãi vay	06		27.210.363.305	13.609.376.806
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		176.533.545.791	164.424.334.301
Biến động các khoản phải thu	09		(31.197.145.386)	(36.438.865.463)
Biến động hàng tồn kho	10		22.652.624.224	(91.854.275.133)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(49.920.340.995)	30.737.233.022
Biến động chi phí trả trước	12		(1.133.043.635)	(4.012.057.151)
			116.935.639.999	62.856.369.576
Tiền lãi vay đã trả	13		(27.210.363.305)	(13.609.376.806)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(20.822.716.004)	(29.657.300.365)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		15.000.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(9.774.906.193)	(7.517.460.934)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		59.142.654.497	12.072.231.471

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(93.375.979.237)	(488.490.371.766)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		2.174.705.414	1.082.060.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(23.000.000.000)	(15.100.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		23.000.000.000	40.100.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(500.000.000)	(2.090.750.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		987.701.038	-
Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và cổ tức	27		12.224.863.716	8.740.103.056
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(78.488.709.069)	(455.758.958.710)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		-	10.890.000.000
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		1.166.636.700.899	1.297.668.406.610
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.123.844.862.117)	(804.763.158.058)
Tiền trả cổ tức	36		(52.470.251.375)	(49.957.737.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		(9.678.412.593)	453.837.511.052

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(29.024.467.165)	10.150.783.813
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	6	58.869.488.835	48.738.679.908
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		161.977.285	(19.974.886)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	6	30.006.998.955	58.869.488.835

Ngày 21 tháng 3 năm 2016

Người lập:



Lê Thiết Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Tổng vốn điều lệ của Công ty được đăng ký trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp là 210.000.000.000 VND.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và mua bán sản phẩm bông, xơ, sợi, vải, sản phẩm may mặc; mua bán máy móc thiết bị, hóa chất và nguyên vật liệu xây dựng (trừ hóa chất độc hại mạnh); xây dựng dân dụng và công nghiệp; kinh doanh bất động sản; lắp đặt máy móc ngành thiết bị công nghiệp, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 1.445 nhân viên (1/1/2015: 1.452 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Công ty và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng của Công ty, nếu có, được trình bày trong thuyết minh số 4(a)-các giao dịch bằng ngoại tệ.

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn góp tại ngày góp vốn.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả: dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	6 – 38 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 8 năm
▪ thiết bị văn phòng	5 – 9 năm

(g) Bất động sản đầu tư

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	8 – 16 năm
-----------	------------

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và lắp đặt máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

(i) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Phần vốn góp lớn hơn mệnh giá cổ phiếu phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như khoản giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập mỗi năm từ lợi nhuận chưa phân phối theo tỷ lệ do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

(iii) Doanh thu lãi tiền gửi

Doanh thu lãi tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh dệt may.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

5. Báo cáo bộ phận

Bộ phận chia theo vùng địa lý

	Trong nước		Xuất khẩu		Tổng	
	2015 VND	2014 VND	2015 VND	2014 VND	2015 VND	2014 VND
Doanh thu bán ra bên ngoài	1.343.568.335.833	1.446.583.929.709	293.611.339.140	155.372.530.624	1.637.179.674.973	1.601.956.460.333
Chi tiêu vốn	93.375.979.237	488.490.371.766	-	-	93.375.979.237	488.490.371.766
	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Tài sản của bộ phận	1.343.479.561.852	1.358.434.513.372	-	-	1.343.479.561.852	1.358.434.513.372

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***6. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Tiền mặt	651.183.500	19.635.000
Tiền gửi ngân hàng	29.355.815.455	15.849.853.835
Các khoản tương đương tiền	-	43.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	30.006.998.955	58.869.488.835
	<hr/>	<hr/>

7. Phải thu khách hàng**(a) Phải thu khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Công ty TNHH Yên Thái	8.195.114.114	18.380.498.831
Công ty TNHH Hyopshin	31.552.187.942	7.683.896.880
Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Quế Hương	30.530.348.917	15.202.870.823
Các khách hàng khác	145.869.814.911	124.844.058.750
	<hr/>	<hr/>
	216.147.465.884	166.111.325.284
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải thu khách hàng là bên liên quan

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Công ty con – Công ty Cổ phần May Việt Thắng	461,741,427	785.752.570
Công ty liên kết – Công ty TNHH Việt Thắng Luch I	944,365,623	1.017.340.514
Các bên liên quan khác:		
Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Phương	7,100,882,915	1,094,025,798
Công ty Cổ phần Quốc Tế Phong Phú	1,389,836,006	105,822,412
Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	-	122,715,834
Công ty Cổ phần May Nhà Bè	117,647,145	379,299,300
Công ty Cổ phần Đức Giang	180,837,415	123,149,400
Công ty Cổ phần Len Việt Nam	-	460,715,933
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Khoản phải thu công ty con, công ty liên kết và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

8. Phải thu khác

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Cổ tức phải thu từ các bên liên quan	4.693.438.000	10.525.281.069
Các khoản phải thu khác từ các bên liên quan	1.651.825.905	-
Lãi phải thu tiền gửi ngân hàng	-	280.900.000
Tạm ứng	501.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	698.727.290	5.161.055.054
Phải thu khác	1.344.597.263	1.038.610.949
	<hr/>	
	8.889.588.458	17.005.847.072
	<hr/>	

Cổ tức phải thu từ các bên liên quan không có bảo đảm, không chịu lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

9. Hàng tồn kho

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	13.428.139.483	26.070.005.157
Nguyên vật liệu	54.653.968.804	64.467.329.877
Công cụ và dụng cụ	68.230.337	52.982.898
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	44.974.580.100	47.483.007.830
Thành phẩm	187.299.744.513	162.268.933.844
Hàng hóa	444.055.745	23.179.083.600
	<hr/>	
	300.868.718.982	323.521.343.206
	<hr/>	

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	120.108.236.424	786.772.256.209	11.876.807.315	631.538.364	919.388.838.312
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	6.768.832.552	109.764.766.142	-	-	116.533.598.694
Thanh lý	-	(11.698.532.063)	(3.045.475.900)	-	(14.744.007.963)
Số dư cuối năm	126.877.068.976	884.838.490.288	8.831.331.415	631.538.364	1.021.178.429.043
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	43.458.038.184	300.292.060.593	6.823.344.565	330.472.448	350.903.915.790
Khấu hao trong năm	6.377.969.923	73.884.213.604	1.331.994.385	112.389.750	81.706.567.662
Thanh lý	-	(11.412.475.928)	(1.740.047.642)	-	(13.152.523.570)
Số dư cuối năm	49.836.008.107	362.763.798.269	6.415.291.308	442.862.198	419.457.959.882
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	76.650.198.240	486.480.195.616	5.053.462.750	301.065.916	568.484.922.522
Số dư cuối năm	77.041.060.869	522.074.692.019	2.416.040.107	188.676.166	601.720.469.161

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có các tài sản có nguyên giá 151.066 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2015: 160.289 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 355.820 triệu VND (1/1/2015: Không) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 17).

11. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm/cuối năm	26.436.678.414
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	25.853.735.017
Khấu hao trong năm	229.303.182
Số dư cuối năm	26.083.038.199
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	582.943.397
Số dư cuối năm	353.640.215

Bất động sản đầu tư của Công ty thể hiện nhà cửa nắm giữ nhằm mục đích cho thuê.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê không được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty và không có thị trường hoạt động cho loại bất động sản đầu tư này.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	2015	2014
	VND	VND
Số dư đầu năm	84.584.761.568	5.251.033.455
Tăng trong năm	93.375.979.237	488.490.371.766
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(116.533.598.694)	(409.156.643.653)
	61.427.142.111	84.584.761.568

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Nhà kho xưởng cơ khí	24.230.000.000	-
Lò hơi	4.506.701.980	-
Máy kéo sợi con	32.690.440.131	-
Dự án nhà máy Dệt mới	-	84.584.761.568
	61.427.142.111	84.584.761.568

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2015						1/1/2015					
	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào Công ty con												
• Công ty Cổ phần May Việt Thắng	1.045.375	52,27%	52,27%	12.742.589.464	-	(*)	1.045.375	52,27%	52,27%	12.742.589.464	-	(*)
• Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An	6.498.500	58,55%	58,55%	65.148.095.000	-	(*)	6.498.500	58,55%	58,55%	65.148.095.000	-	(*)
				<u>77.890.684.464</u>	-	(*)				<u>77.890.684.464</u>	-	(*)

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	31/12/2015						1/1/2015					
	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty liên doanh												
• Công ty TNHH Việt Thắng Luch I	-	50,00%		7.058.786.163	-	(*)	-	50,00%		7.058.786.163	-	(*)
Công ty liên kết												
• Công ty Cổ phần Thương mại Dệt – May TP. Hồ Chí Minh	900.000	20,00%	20,00%	9.000.000.000	9.000.000.000	(*)	900.000	20,00%	20,00%	9.000.000.000	9.000.000.000	(*)
				<u>16.058.786.163</u>	<u>9.000.000.000</u>	<u>(*)</u>				<u>16.058.786.163</u>	<u>9.000.000.000</u>	<u>(*)</u>

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	31/12/2015						1/1/2015					
	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đơn vị khác												
• Công ty TNHH Dệt Việt Phú	-	12,00%		3.600.000.000	-	(*)	-	12,00%		3.600.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Thương mại Chọn	-	-		-	-	(*)	75.000	3,36%		750.000.000	681.235.129	(*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Ngôi sao Gia Định	550.000	5,00%		5.500.000.000	-	(*)	500.000	5,00%		5.000.000.000	-	(*)
				9.100.000.000	-	(*)				9.350.000.000	681.235.129	(*)
				103.049.470.627	9.000.000.000	(*)				103.299.470.627	9.681.235.129	(*)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động của dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	9.681.235.129	515.349.029
Tăng dự phòng trong năm	-	9.165.886.100
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(681.235.129)	-
Số dư cuối năm	<u>9.000.000.000</u>	<u>9.681.235.129</u>

14. Phải trả người bán**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Dệt Việt Phú	22.941.861.281	22.941.861.281	26.852.700.236	26.852.700.236
Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An PT. Indorama Polychem Indonesia	12.060.255.177	12.060.255.177	19.081.871.913	19.081.871.913
Công ty TNHH Timtex Enterprise	8.586.270.212	8.586.270.212	-	-
Các nhà cung cấp khác	-	-	14.166.205.085	14.166.205.085
	17.118.796.509	17.118.796.509	49.254.388.729	49.254.388.729
	<u>60.707.183.179</u>	<u>60.707.183.179</u>	<u>109.355.165.963</u>	<u>109.355.165.963</u>

(b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	60.707.183.179	60.707.183.179	109.355.165.963	109.355.165.963

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An – công ty con	12.060.255.177	12.060.255.177	19.081.871.913	19.081.871.913
Công ty TNHH Dệt Việt Phú – một bên liên quan khác	22.941.861.281	22.941.861.281	26.865.918.743	26.865.918.743

Khoản phải trả công ty con và bên liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2015 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số được khấu trừ trong năm VND	Số chuyển sang thuế phải thu VND	31/12/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	127.188.860.849	(14.535.989)	(127.174.324.860)	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	16.679.810.506	(16.680.395.615)	-	585.109	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.425.009.881	20.500.711.121	(20.822.716.004)	-	-	4.103.004.998
Thuế thu nhập cá nhân	722.924.724	2.643.407.810	(2.617.148.767)	-	-	749.183.767
Thuế tài nguyên	4.088.160	73.163.640	(70.482.120)	-	-	6.769.680
Tiền thuê đất	-	6.477.485.382	(6.477.485.382)	-	-	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-	-
	5.152.022.765	173.566.439.308	(46.685.763.877)	(127.174.324.860)	585.109	4.858.958.445

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	252.783.110	246.948.010
Bảo hiểm xã hội	14.273.452	-
Cổ tức phải trả	42.228.463.625	51.448.715.000
Các khoản phải trả khác	477.389.888	644.716.515
	<hr/>	<hr/>
	42.972.910.075	52.340.379.525
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

17. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2015		Biến động trong năm		31/12/2015	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	427.150.697.684	427.150.697.684	1.130.406.813.531	(1.097.997.095.834)	459.560.415.381	459.560.415.381
Vay dài hạn đến hạn trả (b)	12.764.052.480	12.764.052.480	68.561.924.605	(41.130.209.245)	40.195.767.840	40.195.767.840
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	439.914.750.164	439.914.750.164	1.198.968.738.136	(1.139.127.305.079)	499.756.183.221	499.756.183.221

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất (năm)	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (*)				
Khoản vay 1	VND	4,5% - 4,9%	180.114.235.567	103.006.480.551
Khoản vay 2	USD	2,0% - 2,5%	30.390.302.436	93.971.692.368
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)				
Khoản vay 3	VND	4,9% - 5,5%	-	24.806.791.080
Khoản vay 4	USD	2,1% - 2,8%	-	19.746.530.535
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (**)				
Khoản vay 5	VND	4,5%	98.878.954.392	105.414.902.270
Khoản vay 6	USD	2,2%	5.985.683.132	-
Ngân hàng Quốc Tế				
Khoản vay 7	USD	2,2% - 2,5%	70.322.398.234	17.372.392.380
Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng				
Khoản vay 8	USD	2,2% - 2,5%	22.134.282.394	33.614.299.284
Ngân hàng SinoPac - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh				
Khoản vay 9	USD	2,0%	27.181.122.941	29.217.609.216
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam				
Khoản vay 10	VND	4,0%	24.553.436.285	-
			<hr/>	<hr/>
			459.560.415.381	427.150.697.684

(*) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 227.178 triệu VND (1/1/2015: Không) (Thuyết minh 10).

(**) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 19.207 triệu VND (1/1/2015: không) (Thuyết minh 10).

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Vay dài hạn	265.313.901.109	254.046.278.410
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (a)	(40.195.767.840)	(12.764.052.480)
	225.118.133.269	241.282.225.930

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn là như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2015	1/1/2015
				VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (*)	USD	4,0%	2022	118.134.762.920	136.652.052.480
Ngân hàng Quốc Tế (**)	USD	4,1% - 4,3%	2020	147.179.138.189	117.394.225.930
				265.313.901.109	254.046.278.410

(*) Khoản vay được hoàn trả trong nhiều kỳ bắt đầu từ tháng 6 năm 2015 và hoàn trả hết vào tháng 6 năm 2022. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 5.359 triệu VND (1/1/2015: Không) (Thuyết minh 10).

(**) Khoản vay được hoàn trả trong 20 kỳ bắt đầu sau 6 tháng kể từ ngày rút vốn cuối cùng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 104.076 triệu VND (1/1/2015: Không) (Thuyết minh 10).

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	200.000.000.000	2.172.727.273	47.700.748.981	5.696.073.596	177.647.669.878	433.217.219.728
Phát hành cổ phiếu	10.000.000.000	890.000.000	-	-	-	10.890.000.000
Phân loại lại (Thuyết minh 34)	-	-	5.696.073.596	(5.696.073.596)	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	95.162.793.642	95.162.793.642
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(7.698.980.294)	(7.698.980.294)
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	-	-	(51.250.000.000)	(51.250.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	210.000.000.000	3.062.727.273	53.396.822.577	-	213.861.483.226	480.321.033.076
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	53.822.038.170	53.822.038.170
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(9.516.279.364)	(9.516.279.364)
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	-	-	(43.250.000.000)	(43.250.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	210.000.000.000	3.062.727.273	53.396.822.577	-	214.917.242.032	481.376.791.882

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Vốn cổ phần

Cổ đông của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là:

	31/12/2015		1/1/2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	9.855.000	98.550.000.000	9.855.000	98.550.000.000
Các cổ đông khác	11.145.000	111.450.000.000	11.145.000	111.450.000.000
	21.000.000	210.000.000.000	21.000.000	210.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

20. Cổ tức

Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty ngày 25 tháng 4 năm 2015 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 52.500 triệu VND từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2014, trong đó công ty đã tạm trích 51.250 triệu VND trong năm 2014 theo biên bản cuộc họp ngày 15 tháng 12 năm 2014.

Cuộc họp Hội đồng Quản trị Công ty ngày 12 tháng 12 năm 2015 đã đề xuất phân phối khoản cổ tức 42.000 triệu VND từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2015 dựa trên Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông ngày 25 tháng 4 năm 2015.

21. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ

	31/12/2015		1/1/2015	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	209.095 USD	4.694.188.812	124.591USD	2.661.262.692

23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2015 VND	2014 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	1.136.453.823.344	939.565.918.360
▪ Bán hàng hóa	448.227.529.984	614.541.640.332
▪ Bán phế liệu	22.160.555.427	17.867.108.613
▪ Cung cấp dịch vụ	20.140.311.654	22.400.136.377
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	10.403.460.464	10.840.047.548
	<hr/>	<hr/>
	1.637.385.680.873	1.605.214.851.230
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(206.005.900)	(3.258.390.897)
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	1.637.179.674.973	1.601.956.460.333

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***24. Giá vốn hàng bán**

	2015 VND	2014 VND
Thành phẩm đã bán	977.753.504.742	787.255.612.088
Hàng hoá đã bán	446.929.103.249	603.340.249.015
Phế liệu đã bán	21.153.600.477	17.073.836.759
Dịch vụ đã cung ứng	18.599.752.649	21.089.430.537
Bất động sản đầu tư cho thuê	2.265.965.483	2.535.284.242
	<hr/>	<hr/>
	1.466.701.926.600	1.431.294.412.641

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	2015 VND	2014 VND
Thu nhập từ cổ tức	4.693.438.000	10.724.359.069
Tiền phạt do khách hàng chậm thanh toán	2.043.688.078	2.729.177.870
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.418.682.647	3.033.161.388
Lãi thanh lý các khoản đầu tư tài chính	237.701.038	-
Lãi tiền gửi bên liên quan khác	-	16.177.778
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.275.354.569	1.545.407.745
	<hr/>	<hr/>
	10.668.864.332	18.048.283.850

26. Chi phí tài chính

	2015 VND	2014 VND
Chi phí lãi vay	27.210.363.305	13.609.376.806
Lỗ chênh lệch tỷ giá	19.921.874.912	8.299.114.500
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(681.235.129)	-
Khác	316.554	-
	<hr/>	<hr/>
	46.451.319.642	21.908.491.306

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Chi phí bán hàng

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.452.553.134	2.577.344.102
Chi phí nhân viên	1.190.149.200	883.644.396
Chi phí khấu hao	994.494.804	667.877.222
Chi phí công cụ và dụng cụ	660.807.786	591.774.806
Chi phí bán hàng khác	5.934.700.179	2.084.602.860
	<hr/>	<hr/>
	12.232.705.103	6.805.243.386
	<hr/>	<hr/>

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí nhân viên	19.040.446.463	20.705.510.669
Chi phí thuế, phí và lệ phí	7.049.586.267	1.594.206.028
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.518.083.502	8.441.890.670
Chi phí công cụ và dụng cụ	4.348.869.700	3.521.666.475
Chi phí khấu hao	2.624.613.721	1.738.374.982
Chi phí dự phòng	14.965.566	(53.489.988)
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	7.919.182.673	5.482.141.644
	<hr/>	<hr/>
	46.515.747.892	41.430.300.480
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***29. Thu nhập khác**

	2015 VND	2014 VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	583.221.021	62.231.644
Thu nhập khác	23.951.356	24.896.698
	<hr/> 607.172.377	<hr/> 87.128.342

30. Chi phí khác

	2015 VND	2014 VND
Các khoản bị phạt	2.221.438.819	11.243.957
Chi phí khác	9.824.335	-
	<hr/> 2.231.263.154	<hr/> 11.243.957

31. Thuế thu nhập**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	2015 VND	2014 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	15.671.339.437	23.479.387.113
Dự phòng thiếu trong những năm trước	4.829.371.684	-
	<hr/> 20.500.711.121	<hr/> 23.479.387.113

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận trước thuế	74.322.749.291	118.642.180.755
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	16.351.004.844	26.101.279.766
Chi phí không được khấu trừ thuế	854.094.180	427.715.686
Thu nhập không bị tính thuế	(1.038.814.708)	(2.359.358.995)
Ưu đãi thuế	(494.944.879)	(690.249.344)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	4.829.371.684	-
	20.500.711.121	23.479.387.113

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, Công ty được hưởng ưu đãi thuế suất 20% trong 10 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên (năm 2007). Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty cũng cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong hai năm 2007 và 2008 và giảm 50% thuế thu nhập trong ba năm tiếp theo (từ năm 2009 đến năm 2011). Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thông thường là 22% trong năm 2015 và 20% từ năm 2016 trở đi.

Thu nhập từ hoạt động đầu tư sẽ không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, mà do bên nhận đầu tư đã tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.287.517.334.828	1.228.232.134.253
Chi phí nhân công	136.752.149.589	111.267.124.638
Chi phí khấu hao	81.935.870.844	44.203.712.268
Chi phí khác	157.246.359.546	123.828.883.556

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Trong năm, Công ty có những giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày phải thu/(phải trả)	
	2015 VND	2014 VND	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Công ty con				
Công ty cổ phần May Việt Thắng				
Bán thành phẩm	5.274.923.802	3.428.076.221	461.741.427	785.752.570
Doanh thu gia công	2.305.500	-	-	-
Ký quỹ thuê nhà	-	-	(25.000.000)	(25.000.000)
Thu nhập cho thuê	1.843.672.728	1.764.640.728	-	-
Thu nhập khác	6.426.925.186	6.666.980.852	-	-
Mua hàng hóa	472.254.263	489.780.626	-	-
Thu nhập cổ tức	2.613.438.000	2.090.750.000	2.613.438.000	2.090.750.000
Góp vốn mua cổ phần	-	2.090.750.000	-	-
Công ty cổ phần Nguyên phụ liệu dệt may Bình An				
Bán thành phẩm	1.414.232.810	760.161.150	-	-
Thu nhập khác	727.127.602	666.433.620	-	-
Mua hàng hóa	29.693.455.149	65.739.895.089	-	-
Mua hàng gia công	86.321.983.781	79.298.682.211	(12.060.255.177)	(19.081.871.913)
Mua khác	459.929.793	304.719.347	-	-
Thu nhập cổ tức	-	3.553.609.069	-	3.553.609.069

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày	
	2015 VND	2014 VND	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Công ty liên doanh và liên kết				
Công ty TNHH Việt Thắng – Luch I				
Doanh thu gia công	-	15.214.300	944.365.623	-
Thu nhập cho thuê	1.500.000.000	1.500.000.000	-	-
Thu nhập khác	2.708.099.116	2.783.187.289	-	1.017.340.514
Phân phối cổ tức	800.000.000	1.000.000.000	(800.000.000)	-
Nhận cổ tức	1.000.000.000	4.000.000.000	2.630.922.000	3.800.922.000
Mua hàng hóa	333.258.150	285.068.533	-	-
Cho vay	-	4.100.000.000	-	-
Thu nhập lãi cho vay	-	16.177.778	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may TP. Hồ Chí Minh				
Bán thành phẩm	-	1.515.464.300	-	-
Doanh thu gia công	-	-	-	-
Mua hàng hóa	-	6.130.175.053	-	-
Các công ty liên quan khác				
Công ty TNHH Dệt Việt Phú				
Bán thành phẩm	99.416.713.362	201.447.049.599	-	-
Bán dụng cụ và phụ tùng	5.742.445.375	7.814.723.260	-	-
Thu nhập cho thuê	5.060.045.456	5.876.181.820	-	-
Thu nhập khác	730.050.879	1.012.601.212	-	-
Mua hàng hóa	432.850.728.684	441.520.272.301	(22.941.861.281)	(26.865.918.743)
Lãi trả chậm	515.360.677	647.879.178	-	-
Thu nhập cổ tức	1.080.000.000	1.080.000.000	1.080.000.000	1.080.000.000

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày	
	2015 VND	2014 VND	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Tập đoàn Dệt may Việt Nam				
Phí thành viên	491.142.200	-	-	-
Phân phối cổ tức	19.710.000.000	24.637.500.000	(19.710.000.000)	(24.637.500.000)
Phí kiểm toán	-	188.181.818	-	-
Phí đào tạo	-	41.650.000	-	-
Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương				
Bán thành phẩm	39.339.621.106	13.797.976.901	7.100.882.915	1.094.025.798
Doanh thu gia công	160.450.500	-	-	-
Dịch vụ gia công	1.919.821.860	432.347.970	-	-
Công ty Cổ phần Len sợi Việt Nam				
Bán thành phẩm	-	1.142.553.250	-	460.715.933
Mua hàng hóa	580.561.174	647.521.734	-	(5.218.125)
Dịch vụ gia công	-	647.732.000	-	-
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ				
Bán thành phẩm	-	493.550.500	-	-
Mua hàng hóa	-	1.428.205.766	-	-
Công ty Cổ phần Quốc tế Phong Phú				
Bán thành phẩm	3.865.622.681	-	1.389.836.006	105.822.412
Doanh thu gia công	467.740.575	697.645.340	-	-

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày phải thu/(phải trả)	
	2015 VND	2014 VND	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP				
Bán thành phẩm	2.526.522.500	3.272.168.000	117.647.145	379.299.300
Doanh thu gia công	5.682.000	172.984.805	-	-
Công ty TNHH MTV Dệt 8-3				
Bán thành phẩm	266.095.000	1.415.750.000	-	-
Doanh thu gia công	-	1.024.355.740	-	-
Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban quản lý				
Lương và thưởng	4.046.150.000	5.021.972.000	-	-

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***34. Số liệu so sánh**

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 Công ty áp dụng Thông tư 200. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 về trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

(a) Bảng cân đối kế toán

	1/1/2015 VND (phân loại lại)	1/1/2015 VND (theo báo cáo trước đây)
Phải thu khác	17.005.847.072	11.844.792.018
Tài sản ngắn hạn khác	-	5.161.055.054
Quỹ dự phòng tài chính	-	5.696.073.596
Quỹ đầu tư phát triển	53.396.822.577	47.700.748.981

(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2014 VND (phân loại lại)	2014 VND (theo báo cáo trước đây)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.605.214.851.230	1.573.892.560.576
Giá vốn hàng bán	1.431.294.412.641	1.402.102.662.651
Doanh thu hoạt động tài chính	18.048.283.850	19.199.643.854
Chi phí tài chính	21.908.491.306	23.059.851.310
Thu nhập khác	87.128.342	32.429.247.352
Chi phí khác	11.243.957	30.222.822.303

Ngày 21 tháng 3 năm 2016

Người lập:

Lê Thiết Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc